

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2025

V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lưu Xông Pha**
2. Ông **Duyên Văn Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Hồng Đ**, sinh năm 1983.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm G, xã S, tỉnh Cà Mau.

- Tại phiên tòa: Chị Đ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Nguyên đơn chị Trần Hồng Đ trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh L xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2014, nhưng đến nay không có đi đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc.

Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 30/8/2015 (giới tính: Nữ). Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D cho đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Chị Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

***/ Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L:**

Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Tòa án ngày 08/5/2025, đối với cháu Trần Ngọc D có nguyện vọng được sống chung với chị Trần Hồng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Đối với nguyên đơn là chị Đ đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn là anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên, là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn”, bị đơn là anh L có nơi cư trú tại Khóm G, xã S, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Theo chị Đ xác định, chị và anh L xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2014, nhưng đến nay không có đi đăng ký kết hôn theo quy định.

Tại hồ sơ khởi kiện, chị Đ cung cấp Đơn xin xác nhận đề ngày 31/3/2025 và được Ủy ban nhân dân thị trấn S (nay là xã S) xác nhận, giữa chị Đ và anh L không có đăng ký kết hôn.

Đối với anh L vắng mặt, cũng không có văn bản phản hồi gì trước yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Do đó, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh L đã vi phạm về hình thức.

Nay, chị Đ yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có mâu thuẫn và mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có vi phạm về hình thức.

Căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Đ và anh L có chung 01 người con tên là Trần Ngọc D, sinh ngày 30/8/2015 (giới tính: Nữ).

Xét, cháu Trần Ngọc D sinh ngày 30/8/2015, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/7/2025 cháu D trên 07 tuổi, phải ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Toà án ngày 08/5/2025, thì cháu D có nguyện vọng được sống chung với chị Đ, nguyện vọng này là phù hợp với yêu cầu của chị Đ nên được chấp nhận.

Đối với anh L vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu D cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, phù hợp khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Chị Điều xác định không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng Đ.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận giữa chị Trần Hồng Đ và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 30/8/2015 (giới tính: Nữ) cho chị Trần Hồng Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc D đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Chị Trần Hồng Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà chị Đ đã dự nộp tại Biên lai thu 0005400 ngày 31/3/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang